TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/DSPT
Ngày 22 – 5 - 2018
V/v Chia tài sản chung sau ly hôn và thay đổi người nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Phi Kbuôr

Các thẩm phán: Ông Hoàng Kim Khánh, bà Lưu Thị Thu Hường

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Duy Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: :*** Bà Nguyễn Thị Hải Anh – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2018, Tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 01/2018/TLPT-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2018 về "Chia tài sản chung sau ly hôn và thay đổi người nuôi con".

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 189/2017/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 10 năm 2017 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 68/2018/QĐPT-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Vũ Duy B - Sinh năm: 1970 (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: Số nhà 185/8, đường X, phường TA, thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk.

2. *Bị đơn:* Bà Võ Thị Bạch T - Sinh năm: 1972 (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: Số nhà 501/6/1, đường L, phường ET, thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Phan Ngọc N – Luật sư văn phòng luật sư Thanh N thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Số nhà 02, đường B, thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Ông Vũ Toàn M - Sinh năm: 1933 (Vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị S - Sinh năm: 1940 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú; Số nhà 127A, đường C, phường TA, thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk

- Ông Vũ Duy V - Sinh năm: 1964 (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Số nhà 177, đường X, phường TA, thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk.

- Bà Võ Thị Bích T - Sinh năm: 1969 (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Số nhà 98/35A, đường Y, phường ET, thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk

- Bà Võ Thị Lệ M1 - Sinh năm: 1974 (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Số nhà 183, đường X, phường TA, thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk.

- Bà Nguyễn Thị Kim O - Sinh năm: 1973 (Vắng mặt)

Địa chỉ: 501/7/1 L, phường ET, thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk.

- Bà Dương Thị L1 – Sinh năm: 1956 (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Số nhà 15, liên gia 4, tổ dân phố 11, phường ET, thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk.

- Bà Trần Thị T1 – Sinh năm: 1971 (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Số nhà 129, đường C, phường TA, thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk.

- Bà Vũ Thị H – Sinh năm: 1966 (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Số nhà 123, đường C, phường TA, thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk.

- Ông Nguyễn Ngọc T2 (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Số nhà 185/18, đường X, phường TA, thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk

- Bà Nguyễn Thị Đ (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố 10, phường ET, thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk.

- Bà Nguyễn Thị Thanh H1 – Sinh năm: 1963 (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Số nhà 120/13, đường Y, phường ET, thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk.

- Cháu Vũ Tiến Đ1 – Sinh ngày 05-8-2006

Địa chỉ cư trú: Số nhà 501/6/1, đường L, phường ET, thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk (con của ông B, bà T) – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng ông Vũ Duy B trình bày:**

Trước đây, ông và bà Võ Thị Bạch T là vợ chồng, do tình cảm không còn nên đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 260/2012/QĐST ngày 14/8/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột giải quyết: về con chung bà Võ Thị Bạch T được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung cháu Vũ Ngọc Tú Q, sinh ngày 13/6/1998 và cháu Vũ Tiến Đ1, sinh ngày 05/8/2006 đến tuổi trưởng thành; về tài sản chung, chúng tôi tự thỏa thuận nhưng kể từ khi được giải quyết ly hôn đến nay chúng tôi không tự thỏa thuận chia tài sản được nên nay yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung sau ly hôn:

* Có những tài sản sau:

- 01 lô đất ở hẻm C, phường TA thành phố BT có diện tích 1.521,9m^2, thửa số 130, tờ bản đồ số 62, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 672858. Trên đất có 01 cây chôm chôm;

- 02 lô sạp chợ ở phường ET: 01 lô nhận sang nhượng vào năm 2004 với giá 9.500.000 đồng và 01 lô nhận sang nhượng từ năm 2008 với giá 20.000.000 đồng;

- 02 chiếc xe mô tô: 01 chiếc xe mô tô SCR, hãng hon da, 01 chiếc xe Dream II;.

- Tiền gửi tại ngân hàng Sacombank phòng giao dịch BT 100.000.000 đồng.

- 07 chỉ vàng 97% và 7.500.000 đồng bà T giữ;

* Về nợ chung:

- Nợ vật liệu xây dựng BT 77.690.000 đồng;

- Nợ ông Nguyễn Ngọc T2 ở 185/18 X, phường TA, thành phố BT số tiền 47.020.000đồng;

- Nợ bà Nguyễn Thị S ở 185/8 X, phường TA, thành phố BT số tiền 70.000.000đồng;

Về con chung: Bà T chăm sóc nuôi dưỡng con không tốt nên ông B có nguyện vọng được nuôi cháu Vũ Tiến Đ1, sinh ngày 05/8/2006 đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại ông B có thu nhập ổn định 6.000.000đồng/tháng.

Ngày 04/2/2013 ông Vũ Duy B có đơn khởi kiện bổ sung:

Về tài sản chung: Ông và bà T có bỏ ra số tiền 100.000.000 đồng để mua hàng hóa kinh doanh buôn bán.

Về nợ chung: Nợ ông Vũ Duy V 03 chỉ vàng 9999, nợ bà Vũ Thị H số tiền 10.000.000 đồng.

Riêng các khoản nợ do ông B đang còn nợ ông V, bà H, vật liệu xây dựng BT và số tiền công xây dựng trại heo còn nợ của ông T2, ông B xin tự chịu trách nhiệm không yêu cầu bà T trả.

Ngày 25/7/2014, ông B có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể tại biên bản làm việc lập ngày 29/7/2014 tại Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột ông B rút yêu cầu khởi kiện đối với phần 07 chỉ vàng 97%, 7.500.000đồng tiền mặt mà bà T đang cầm giữ và số tiền vốn 100.000.000 đồng đầu tư kinh doanh.

Về con chung: Ngày 17/4/2013 ông B có đơn xin thay đổi người nuôi con chung có nguyện vọng được nuôi cháu Vũ Tiến Đ1, sinh ngày 05/8/2006

*** Quá trình tham gia tố tụng bị đơn bà Võ Thị Bạch T trình bày:**

Bà và ông B đã được Tòa án giải quyết cho ly hôn. Tài sản chung hai bên chưa chia, sau khi biết được ông B có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản sau ly hôn thì ông B khai chưa đúng và không đầy đủ, nên bà T có làm đơn phản tố, cụ thể về tài sản chung gồm có các tài sản sau:

- Ngôi nhà và đất ở 185/8 X, phường TA, thành phố BT, thửa đất số 128, tờ bản đồ số 37, diện tích 315,5m^2 đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 800964 do Ủy ban nhân dân thành phố BT cấp ngày 16/6/2006, tài sản này có nguồn gốc tặng cho trong thời kỳ hôn nhân đứng tên hộ gia đình ông Vũ Duy B, hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà Nguyễn Thị S (mẹ ông B) đang cất giữ hộ.

- Thửa đất số 2A, tờ bản đồ số 62, diện tích 495m^2 ở đường C, phường TA, thành phố BT, đất đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 558304 do Ủy ban nhân dân thành phố BT cấp ngày 11/01/2006 mang tên ông B, bà T Tài sản này có nguồn gốc tặng cho trong thời kỳ hôn nhân đứng tên hộ gia đình ông Vũ Duy B.

- Trang trại chăn nuôi ở vị trí đường C, phường TA, thành phố BT thuộc thửa đất số 130, tờ bản đồ số 62 diện tích 1.521,9 m^2 đất đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 672858 do Ủy ban nhân dân thành phố BT cấp ngày 18/11/2011 mang tên ông B (bìa đỏ bà T đang cất giữ) tài sản này được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, trang trại có xây nhà cấp 4 có gác lửng, bên phải ngôi nhà có xây 6 ô nuôi heo nái, nền xi măng, lợp tôn, phía sau còn lại nuôi heo rừng lai, trang trại xây bọc bằng tường xi măng khoảng 800m^2, đất còn lại để trống.

- 01 lô chợ số 9H thuê của Ủy ban nhân dân phường ET, hợp đồng thuê theo từng năm một. Cuối năm 2012 đã hết hạn hợp đồng, do bà không đủ khả năng thuê tiếp vì không có tiền đóng nên bà trả lại cho Ủy ban nhân phường ET. Hàng hóa hiện bà đang mua bán là do các Công ty ký gửi, cuối năm 2012 bà T đã thanh toán trả nợ. Hiện nay bà phải đi làm thuê để kiếm tiền nuôi con.

- 01 chiếc xe mô tô hiệu SCR hiện bà T đang sử dụng và 01 chiếc xe mô tô Dream II ông B đang sử dụng.

Ngày 16/11/2015 Bà T có đơn xin rút một phần yêu cầu phản tố, cụ thể bà T xin rút phần yêu cầu chia tài sản là nhà, phòng trọ và đất ở tại số 185/8 X, phường TA, thành phố BT, thửa đất số 128, tờ bản đồ số 37, diện tích 315,5m^2 đất đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 800964 do Ủy ban nhân dân thành phố BT cấp ngày 16/6/2006; và trang trại nuôi heo và căn nhà xây nhà cấp 4 có gác lửng trên thửa đất số 130, tờ bản đồ số 62 diện tích 1.521,9 m^2 và các vật dụng ti vi, tủ lạnh, máy giặc, dàn karaoke, niệm kim đan và các vật dụng gia đình khác mà ông B đang sử dụng.

Về con chung: Kể từ khi Tòa án giải quyết cho ly hôn đến nay, ông B không cấp dưỡng nuôi con và không thăm nom con chung nên bà có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung là Vũ Ngọc Tú Q sinh ngày 13/6/1999 và Vũ Tiến Đ1 sinh ngày 05/8/2006 cho đến khi hai cháu đủ tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

**** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Bà Dương Thị L1 khai:

Vào năm 2008 bà có sang nhượng cho ông Vũ Duy B và bà Võ Thị Bạch T 01 lô chợ số 18A ở phường ET, thành phố BT với số tiền là 20.000.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Kim O khai:

Năm 2004 bà có sang nhượng cho vợ chồng ông Vũ Duy B và bà Võ Thị Bạch T 01 lô chợ số 09H với giá 9.000.000 đồng. Nay vợ chồng bà T, ông B có tranh chấp về tài sản chung thì bà không có liên quan gì và xin từ chối tham gia tố tụng.

- Ông Vũ Toàn M và bà Nguyễn Thị S khai:

Đối với nhà và đất ở 185/8 X, phường TA, thành phố BT, thửa đất số 128, tờ bản đồ số 37, diện tích 315,5m^2; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 800964 do Ủy ban nhân dân thành phố BT cấp vào ngày 16/6/2006 mang tên hộ gia đình Vũ Duy B và thửa đất số 2A, tờ bản đồ số 62, diện tích 495m^2 ở đường C, phường TA, thành phố BT, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AD 558304 do Ủy ban nhân dân thành phố BT cấp ngày 11/01/2006 mang tên hộ ông Vũ Duy B được ông Vũ Toàn M và bà Nguyễn Thị S cho ông Vũ Duy B vào khoảng năm 1986-1987.

Ngoài ra bà Nguyễn Thị S khai vào khoảng năm 2011 bà có cho ông Vũ Duy B mượn số tiền 70.000.000 đồng (mượn hai lần), ông B là người trực tiếp nhận tiền. Khi mượn tiền bà có nói cho bà T biết là ông B mượn số tiền này để mua đất xây chuồng heo. Nay bà không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông B, bà T phải trả nợ cho bà, để bà T và ông B trả nợ dần cho bà. Sau này có yêu cầu thì bà sẽ khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

- Bà Trần Thị T1 khai:

Ngày 07/02/2012. bà có đổ vật liệu xây dựng cho ông Vũ Duy B gồm: gạch, cát, đá, xi măng, ống nước nhựa với tổng số tiền là 77.693.000 đồng. Đến

ngày 05/5/2012, hai bên chốt số tiền nợ 77.693.000 đồng, đến nay ông B vẫn chưa trả cho bà. Nay vợ chồng ông B, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản sau ly hôn thì bà không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền ông B còn nợ bà mà khi nào cần đòi số tiền nợ nói trên, bà sẽ khởi kiện đòi nợ ông B bằng một vụ án dân sự khác.

- Ông Vũ Duy V khai:

Về nguồn gốc đất nông nghiệp có diện tích 495m^2, thửa đất số 2A, tờ bản đồ số 62 tọa lạc tại hẻm đường C, phường TA, thành phố BT, tỉnh Đăk Lăk. Vào năm 1989, Ủy ban nhân dân thị xã BT có Quyết định cấp đất cho ông với diện tích 0,5 ha bao gồm thửa đất số 495m^2 nói trên, đất được sử dụng từ năm 1983. Diện tích đất này do ông V đứng tên dùm bố mẹ ông. Đến năm 2005, bố mẹ ông là ông Vũ Toàn M và bà Nguyễn Thị S quyết định cho ông Vũ Duy B diện tích đất 495m^2 nằm trong phần diện tích 0,5ha nói trên. Vì vậy, ông có ký chuyển nhượng cho ông Vũ Duy B diện tích 495m^2 nằm trong phần diện tích đất 0,5ha. Sau đó, ông B làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân thành phố BT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 11/01/2006.

- Về nợ: Ngày 15/01/2011 ông có cho em trai của ông là Vũ Duy B vay 03 chỉ vàng 9999%, lúc ông cho ông B vay bà T vợ ông B không biết. Nay vợ chồng ông B yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản sau ly hôn thì ông không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T, ông B phải trả cho ông 03 chỉ vàng 9999% mà ông B đã vay của ông, để tự vợ chồng ông B, bà T trả cho ông. Khi nào ông B bà T không trả thì lúc đó ông mới làm đơn khởi kiện đòi nợ bà T, ông B bằng một vụ án dân sự khác.

- Ông Nguyễn Ngọc T2 khai:

Trước đây ông có xây dựng chuồng heo cho ông B, ông B có nợ ông tiền công xây dựng là 47.020.000 đồng. Nay ông không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông B phải trả cho ông số tiền nợ nói trên. Khi cần thì ông yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

- Bà Vũ Thị H khai:

Vào khoảng năm 2012 ông Vũ Duy V có vay của bà số tiền 10.000.000 đồng để đào giếng và mua tôn. Nay bà không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông B phải trả tiền nợ cho bà. Khi cần thì bà yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

- Bà Võ Thị Lệ M1 khai: Vào năm 2012 bà T có sang nhượng cho bà 01 Kiốt số 18A ở chợ ET với giá là 9.500.000đồng, sau đó bà trực tiếp ký hợp đồng thuê kiốt với Ủy ban nhân dân phường ET, thành phố BT.

- Bà Võ Thị Bích T khai:

Vào năm 2009 bà T có sang nhượng cho bà 01 Kiốt ở chợ ET với giá là 20.000.000đồng, sau đó bà trực tiếp ký hợp đồng thuê kiốt với Ủy ban nhân dân phường ET, thành phố BT.

- **Bà Nguyễn Thị Thanh H1 khai:** Vào tháng 9 năm 2015 bà Nguyễn Thị Đ có sang nhượng cho bà 01 Kiốt số 9H ở chợ ET và lô 9D bà nhận sang nhượng từ bà Võ Thị Lệ M1, hiện nay bà trực tiếp ký hợp đồng thuê ki ốt với Ủy ban nhân dân phường ET và đang sử dụng hai ki ốt này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa làm việc do đó Tòa án không thể lấy lời khai và tiến hành hòa giải được.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 189/2017/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 10 năm 2017 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột:

Căn cứ vào Khoản 1, khoản 3 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 244; Điều 147; Điều 165; Điều 217; Điều 218; Điều 271; Điều 273; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự ; Điều 33, khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 59, khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Pháp lệnh về án phí lệ phí Toà án ngày 27/02/2009 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận một phần khởi kiện yêu cầu chia tài sản sau ly hôn của ông Vũ Duy B đối với yêu cầu:

+ 01 lô đất ở hẻm C, phường TA thành phố BT có diện tích 1.521,9m^2, thửa số 130, tờ bản đồ số 62, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 672858.

+ 01 lô sạp chợ ở phường ET; trị giá là 9.500.000 đồng.

+ 02 chiếc xe mô tô: 01 chiếc xe mô tô SCR trị giá 20.000.000 đồng; 01 chiếc xe Dream II trị giá 7.000.000 đồng.

Bác yêu cầu chia tài sản là 01 lô chợ trị giá 20.000.000 đồng

- Đình chỉ đối với yêu cầu chia 07 chỉ vàng 97%; 7.500.000 đồng bà T giữ và vốn đầu tư kinh doanh 100.000.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị Bạch T đối với yêu cầu phản tố chia tài sản chung là: Thửa đất số 2A, tờ bản đồ số 62, diện tích 495m^2 (nay là thửa đất số 197, tờ bản đồ số 6, diện tích 495m^2) đất ở đường C, phường TA, thành phố BT, đất đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 558304 do Ủy ban nhân dân thành phố BT cấp ngày 11/01/2006. Tài sản này có nguồn gốc tặng cho trong thời kỳ hôn nhân đứng tên hộ gia đình ông Vũ Duy B.

- Đình chỉ đối với phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Bạch T về việc chia tài sản chung là nhà, phòng trọ và đất ở 185/8 X, phường TA, thành phố BT, thửa đất số 128, tờ bản đồ số 37, diện tích 315,5m^2 đất đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 800964 do Ủy ban nhân dân thành phố BT cấp ngày 16/6/2006. Trang trại nuôi heo và căn nhà xây cấp 4 có gác lửng trên thửa đất số 130, tờ bản đồ số 62, diện tích 1.521,9 m^2 và các vật dụng ti vi, tủ lạnh, máy giặt, dàn karaoke, niệm kim đan và các vật dụng gia đình khác mà ông B đang sử dụng.

- *Tài sản chung của ông Vũ Duy B và bà Võ Thị Bạch T được chia như sau:*

Ông Vũ Duy B được nhận các tài sản sau:

+ 01 lô đất ở hẻm C, phường TA thành phố BT có diện tích 1.521,9m^2, thửa số 130, tờ bản đồ số 62, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 672858; phía Đông giáp thửa 545, Phía Tây giáp thửa 166, Phía Nam giáp thửa 152, thửa 153, thửa 170; Phía Bắc giáp thửa 121, thửa 154, thửa 127, thửa 128, thửa 433, thửa 434, thửa 129; Trị giá tài sản theo giá thị trường 150.000.000 đồng và 01 cây chôm trên đất trị giá 400.000 đồng

+ 01 chiếc xe Dream II, Trị giá tài sản: 7.000.000 đồng

Tổng cộng: 157.400.000 đồng

Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 672858 thửa số 130, tờ bản đồ số 62, diện tích 1.521,9m^2 hiện nay bà T đang giữ nên buộc bà T phải đưa lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 672858 mang tên ông Vũ Duy B do Ủy ban nhân thành phố BT cấp ngày 18/11/2011 cho ông Vũ Duy B.

Bà Võ Thị Bạch T được nhận tài sản sau:

+ Thửa đất số 2A, tờ bản đồ số 62, diện tích 495m^2 (nay là thửa đất số 197, tờ bản đồ số 6, diện tích 495m^2) đất ở đường C, phường TA, thành phố BT, đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 558304 do Ủy ban nhân dân thành phố BT cấp ngày 11/01/2006, đất có tứ cận Phía Bắc giáp thửa 218; Phía Nam giáp thửa 199; Phía Đông giáp đường hẻm 127; Phía Tây giáp thửa 95, thửa 96. Trên đất gồm có các tài sản sau: 01cây mít; 01 cây bơ; 35 cây Xoan. Tổng giá trị tài sản trên đất và đất là 703.069.700đồng.

+ 01 lô chợ, trị giá: 9.500.000 đồng

+ 01 chiếc xe mô tô SCR, trị giá: 20.000.000 đồng

Tổng cộng: 732.569.700 đồng

Như vậy, bà T phải bù giá trị tài sản chênh lệch tài sản cho ông B là: 404.251.517 đồng.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án.

- *Về con chung:*

Bác yêu cầu của ông Vũ Duy B về việc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung là cháu Vũ Tiến Đ1, sinh ngày 05/8/2006.

- ***Về chi phí định giá***: Ông Vũ Duy B phải chịu 1.000.000đồng chi phí định giá, được khấu trừ 1.000.000đồng ông B đã nộp theo phiếu thu số 135 ngày 08 tháng 12 năm 2014 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột

Bà Võ Thị Bạch T phải chịu 3.000.000đồng chi phí định giá, được khấu trừ 3.000.000đồng bà T đã nộp theo phiếu thu số 117 ngày 24 tháng 10 năm 2014; phiếu thu số 39 ngày 06 tháng 6 năm 2016; phiếu thu số 116 ngày 10 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- ***Về án phí:*** Ông Vũ Duy B phải chịu 20.000.000 đồng + (561.651.517đồng – 400.000.000đồng) x 4% = 26.466.060 đồng án phí Dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 1.250.000 đồng theo biên lai thu số AA/2010/0015344 ngày 06/11/2012 và số tiền tạm ứng án phí 1.250.000 đồng theo biên lai thu số AA/2012/24391 ngày 30/5/2014 mà ông Vũ Duy B đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Bà Võ Thị Bạch T phải chịu 328.318.183 x 5% = 16.415.909 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm , được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 7.200.000 đồng mà bà Võ Thị Bạch T đã nộp theo Biên lai thu số AA/2010/0015783 ngày 21/01/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BT.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 24/10/2018ông Vũ Duy B có đơn kháng cáo như sau:

- Ông có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Vũ Tiến Đ1, sinh ngày 05/8/2006 cho đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu bà Võ Thị Bạch T phải cấp dưỡng nuôi cháu.

- Bà T đơn phương chuyển nhượng 01 lô sạp cho người khác trị giá 20.000.000 đồng nên bà T có nghĩa vụ phải thanh toán lại cho ông B 10.000.000 đồng.

- Tòa án cấp sơ thẩm giao cho bà T được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 2A, tờ bản đồ số 62, diện tích 495m^2 (nay là thửa đất số 197, tờ bản đồ số 6, diện tích 495m^2) đất tại đường C, phường TA, thành phố BT là ảnh hưởng đến quyền lợi của ông, vì đây là tài sản của bố mẹ ông B tặng cho riêng ông B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Các đương sự trong vụ án và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

+ Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của ông Vũ Duy B về việc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung là cháu Vũ Tiến Đ1, vì cháu Đ1 đã gần 12 tuổi và có nguyện vọng được sinh sống với mẹ là bà Võ Thị Bạch T.

+ Về việc phân chia tài sản của ông B và bà T, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông B, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận sự thỏa thuận của ông B và bà T tại biên bản làm việc tại Tòa án vào ngày 16/4/2018 và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của ông B về việc thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Vũ Tiến Đ1, sinh ngày 05/8/2006 thì thấy: Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 260/2012/QĐST ngày 14/8/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột là giao cháu Vũ Ngọc Tú Q, sinh ngày 13/6/1998 và cháu Vũ Tiến Đ1, sinh ngày 05/8/2006 cho bà Võ Thị Bạch T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến tuổi trưởng thành. Xét thấy, ông B và bà T đều có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc cháu Đ1. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm cháu Đ1 đều có nguyện vọng được chung sống với mẹ và hiện nay cháu Đ1 đang sinh sống với bà T. Mặt khác, tại biên bản làm việc vào ngày 07/5/2018 tại Trường trung học cơ sở HV có sự giám hộ của giáo viên chủ nhiệm lớp 6C thì cháu cũng có nguyện vọng ở với mẹ. Do vậy, Tòa án cần tôn trọng nguyện vọng của cháu Đ1 là tiếp tục giao cháu Đ1 cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến tuổi trưởng thành là hợp lý và phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Vũ Duy B về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung là cháu Vũ Tiến Đ1.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông B về việc cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm giao cho bà T được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 2A, tờ bản đồ số 62, diện tích 495m^2 đất (nay là thửa đất số 197, tờ bản đồ số 6, diện tích 495m^2) tại đường C, phường TA, thành phố BT là ảnh hưởng đến quyền lợi của ông, vì đây là tài sản của bố mẹ ông B tặng cho riêng ông B, thì thấy: Tại biên bản làm việc tại Tòa án vào ngày 16/4/2018 và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông B và bà T thỏa thuận được với nhau về việc phân chia tài sản chung, cụ thể như sau:

[2.1] Giao cho ông Vũ Duy B được quyền quản lý, canh tác, sử dụng toàn bộ lô đất ở hẻm đường C, phường TA thành phố BT có diện tích 1.521,9m^2, thửa số 130, tờ bản đồ số 62, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 672858 do Ủy ban nhân dân thành phố BT cấp ngày 18/11/2011 (trên đất có công trình xây dựng là 01 căn nhà và chuồng nuôi heo do ông B tự xây dựng nên bà B không yêu cầu chia) cùng toàn bộ tài sản trên đất và giao cho ông Vũ Duy B được quyền quản lý, canh tác, sử dụng toàn bộ lô đất ở đường C, phường TA, thành phố BT có diện tích 495m^2 đất, thửa đất số 2A, tờ bản đồ số 62, (nay là thửa đất số 197, tờ bản đồ số 6, diện tích 495m^2), đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 558304 do Ủy ban nhân dân thành phố BT cấp ngày 11/01/2006 cùng toàn bộ tài sản trên đất và được quyền quản lý, sử dụng 01 chiếc xe Dream II với trị giá là 7.000.000 đồng (hiện nay ông B đang quản lý, sử dụng hai thửa đất và chiếc xe máy nêu trên).

Như vậy, giá trị tài sản ông B được quản lý, sử dụng là: 150.400.000 đồng (giá trị diện tích 1.521,9m^2 đất tại thửa số 130, tờ bản đồ số 62 và 01 cây chôm chôm), 703.069.700 đồng (giá trị diện tích 495m^2 đất tại thửa số 2A, tờ bản đồ số 62 và cây trồng trên đất) và 7.000.000 đồng (giá trị chiếc xe Dream II). Tổng cộng là 860.469.000 đồng, tuy nhiên giá trị tài sản thực tế được chia cho ông B là 530.469.000 đồng.

[2.2] Do ông Vũ Duy B được quyền quản lý, canh tác, sử dụng toàn bộ hai lô đất nêu trên, nên ông B có nghĩa vụ phải thanh toán giá trị tài sản chung được chia cho bà Võ Thị Bạch T là 330.000.000 đồng. Ông B cam kết sẽ thanh toán đầy đủ số tiền này cho bà T vào ngày 22/6/2018.

Ngoài ra, bà T còn được chia để quản lý, kinh doanh 01 lô chợ (trị giá 9.500.000 đồng) và quản lý, sử dụng 01 chiếc xe mô tô SCR có trị giá 20.000.000 đồng (hiện nay chiếc xe máy này bà T đang quản lý, sử dụng).

Như vậy, giá trị tài sản bà T được chia để quản lý, sử dụng là: 359.500.000 đồng.

[2.3] Hiện nay, do bà T đang quản lý, cất giữ hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gồm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 672858 do Ủy ban nhân dân thành phố BT cấp ngày 18/11/2011 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 558304 do Ủy ban nhân dân thành phố BT cấp ngày 11/01/2006 của hai lô đất nêu trên, do đó theo thỏa thuận của các bên sau khi ông B trả đầy đủ số tiền 330.000.000 đồng nêu trên cho bà T thì bà T có nghĩa vụ giao lại hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho ông B.

[3] Về nội dung kháng cáo của ông B yêu cầu bà T phải thanh toán cho ông 10.000.000 đồng do bà T tự ý sang nhượng 01 lô sạp chợ cho người khác trị giá 20.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay ông B đề nghị không xem xét, giải quyết nữa.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các bên là tự nguyện, không trái pháp luật và không ảnh hưởng đến quyền lợi của người khác là phù hợp với quy định tại Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do sửa bản án sơ thẩm nên phải tính lại cho đúng, cụ thể giá trị tài sản ông Vũ Duy B được chia 530.469.000 đồng, nên phải chịu án phí là 20.000.000 đồng + (530.469.000 đồng – 400.000.000đồng) x 4% = 25.218.000 đồng (tính tròn số) án phí Dân sự sơ thẩm và được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 1.250.000 đồng theo Biên lai thu số AA/2010/0015344 ngày 06/11/2012 và số tiền tạm ứng án phí 1.250.000 đồng theo Biên lai thu số AA/2012/24391 ngày 30/5/2014 mà ông Vũ Duy B đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BT. Như vậy, ông B còn phải nộp là 22.718.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm;

Giá trị tài sản bà Võ Thị Bạch T được chia là 359.500.000 đồng nên phải chịu án phí là x 5% = 17.975.000 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 7.200.000 đồng mà bà Võ Thị Bạch T đã nộp theo Biên lai thu số AA/2010/0015783 ngày 21/01/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BT. Như vậy, bà T còn phải nộp là 10.775.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên ông B không phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 148, Điều 300, khoản 1 khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH, ngày 30/12/2017của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định án phí lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Điều 33, Điều 59, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Vũ Duy B - Sửa Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 189/2017/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 10 năm 2017 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Chấp nhận một phần đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn của ông Vũ Duy B;

- Chấp nhận một phần đơn yêu cầu phản tố chia tài sản chung của bà Võ Thị Bạch T.

Tuyên xử:

[1] Về con chung:

Bác yêu cầu của ông Vũ Duy B về việc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung là cháu Vũ Tiến Đ1, sinh ngày 05/8/2006.

[2] Về tài sản: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[2.1] - Giao cho ông Vũ Duy B được quyền quản lý, canh tác, sử dụng toàn bộ lô đất tại hẻm đường C, phường TA thành phố BT có diện tích 1.521,9m^2, thửa số 130, tờ bản đồ số 62, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 672858 do Ủy ban nhân dân thành phố BT cấp ngày 18/11/2011 mang tên ông Vũ Duy B cùng toàn bộ tài sản trên đất là công trình xây dựng có 01 căn nhà và chuồng nuôi heo do ông B tự xây dựng và 01 cây chôm chôm. Thửa đất có tứ cận phía Đông giáp thửa 545; Phía Tây giáp thửa 166; Phía Nam giáp thửa 152, thửa 153, thửa 170; Phía Bắc giáp thửa 121, thửa 154, thửa 127, thửa 128, thửa 433, thửa 434, thửa 129 (hiện nay ông B đang quản lý, sử dụng).

- Giao cho ông Vũ Duy B được quyền quản lý, canh tác, sử dụng toàn bộ lô đất tại đường C, phường TA, thành phố BT có diện tích 495m^2 đất, thửa đất số 2A, tờ bản đồ số 62, (nay là thửa đất số 197, tờ bản đồ số 6, diện tích 495m^2), đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 558304 do Ủy ban nhân dân thành phố BT cấp ngày 11/01/2006 mang tên hộ ông Vũ Duy B cùng toàn bộ tài sản trên đất là 01 cây mít, 01 cây bơ, 35 cây xoan. Thửa đất có tứ cận Phía Bắc giáp thửa 218; Phía Nam giáp thửa 199; Phía Đông giáp đường hẻm 127; Phía Tây giáp thửa 95, thửa 96 (hiện nay ông B đang quản lý, sử dụng).

- Giao cho ông Vũ Duy B được quyền quản lý, sử dụng 01 chiếc xe Dream II (hiện nay ông B đang quản lý, sử dụng).

[2.2] Ông Vũ Duy B có nghĩa vụ phải thanh toán giá trị tài sản được chia cho bà Võ Thị Bạch T là 330.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi triệu đồng), thời

hạn ông Vũ Duy B thanh toán đầy đủ số tiền nêu trên cho bà Võ Thị Bạch T là vào ngày 22/6/2018.

[2.3] Giao cho Bà Võ Thị Bạch T được quyền quản lý, sử dụng 01 chiếc xe mô tô SCR và quản lý, kinh doanh 01 lô chợ (hiện nay bà T đang quản lý, sử dụng).

[2.4] Bà Võ Thị Bạch T có trách nhiệm trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 672858 do Ủy ban nhân dân thành phố BT cấp ngày 18/11/2011 mang tên ông Vũ Duy B và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 558304 do Ủy ban nhân dân thành phố BT cấp ngày 11/01/2006 mang tên hộ ông Vũ Duy B cho ông Vũ Duy B, sau khi ông Vũ Duy B đã trả đầy đủ số tiền (330.000.000 đồng) nêu trên cho bà Võ Thị Bạch T.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 để tính lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án khi có đơn yêu cầu thi hành án.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[3.1] Ông Vũ Duy B phải chịu 25.218.000 đồng (Hai mươi lăm triệu hai trăm mười tám ngàn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo Biên lai thu số AA/2010/0015344 ngày 06/11/2012 và số tiền tạm ứng án phí 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo Biên lai thu số AA/2012/24391 ngày 30/5/2014 mà ông Vũ Duy B đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BT. Như vậy, ông B còn phải nộp là 22.718.000 đồng (Hai mươi hai triệu bảy trăm mười tám ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm;

[3.2] Bà Võ Thị Bạch T phải chịu án 17.975.000 đồng (Mười bảy triệu chín trăm bảy mươi lăm ngàn đông) tiền án phí Dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 7.200.000 đồng (Bảy triệu hai trăm ngàn đồng) mà bà Võ Thị Bạch T đã nộp theo Biên lai thu số AA /2010/0015783 ngày 21/01/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BT. Như vậy, bà T còn phải nộp là 10.775.000 đồng (Mười triệu bảy trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Vũ Duy B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông B số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên thu lai số 0000246 ngày 01/11/2017 tại Chi cục thi hành án thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THA Tp. BT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Y Phi Kbuôr